

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỬ CHI
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 433/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 23-4-2025

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Thị Thanh Thà.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Văn Chon;

2. Ông Nguyễn Ngọc Long.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Không có.

Ngày 23 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cử Chi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 1106/2024/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2024 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 138/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 178/2025/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Ông Lý Trường S, sinh năm 1986 (có mặt);

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 6, ấp T, xã Đ, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. **Bị đơn:** Bà Lê Thị L, sinh năm 1990 (vắng mặt);

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 6, ấp T, xã Đ, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn nộp ngày 24/9/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Lý Trường S trình bày:

Ông và bà Lê Thị L tự nguyện tìm hiểu và tiến tới hôn nhân năm 2008, đã được Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 27, quyển số 01/2008 ngày 14/4/2008. Thời gian đầu cuộc sống hạnh phúc nhưng về sau thì ông và bà L bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không hiểu nhau, có nhiều khác biệt về cách sống. Sau những mâu thuẫn kéo dài không thể hàn gắn, ông và bà L không còn tình cảm với nhau, không còn quan tâm

chăm sóc lẫn nhau, ông và bà L không còn sống chung với nhau nên ông yêu cầu được ly hôn với bà Lê Thị L.

Về con chung: Có 01 (một) con chung tên Lý Thường K, sinh ngày 14/01/2008. Hiện nay, con chung đang sống với ông nên ông yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, ông không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ông Lý Trường S xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ dân sự chung: Ông Lý Trường S xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình gồm: Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính), giấy khai sinh (bản sao), căn cước công dân của bà L (bản phô tô), ông S (bản sao).

** Tại biên bản hòa giải ngày 20/12/2024 và ngày 20/01/2025 bị đơn bà Lê Thị L trình bày:*

Bà không đồng ý ly hôn với ông Lý Trường S vì nếu ly hôn sẽ ảnh hưởng đến con của bà. Về con chung, tài sản chung và nợ chung do bà không đồng ý ly hôn nên không có ý kiến.

Bà Lê Thị L đã được Tòa án tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập tham gia phiên tòa xét xử đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Do đó, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bà L.

Tại phiên tòa,

Ông Lý Trường S xác định không còn tình cảm với bà Lê Thị L và kiên quyết yêu cầu xin ly hôn.

Về con chung: Do trẻ Lý Thường K có nguyện vọng được sống chung với bà L nên ông đồng ý giao con chung cho bà L nuôi dưỡng, ông không cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Ông Lý Trường S xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Theo nội dung đơn khởi kiện có cơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp về ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, bị đơn có nơi cư trú tại xã Đ, huyện C nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi.

Bị đơn bà Lê Thị L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà L.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Lý Trường S và bà Lê Thị L tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 27, quyển số 01/2008 ngày 14/4/2008 nên là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu của ông Lý Trường S xin ly hôn với bà Lê Thị L là có căn cứ chấp nhận. Bởi lẽ: Theo lời trình bày của ông S thì mâu thuẫn giữa ông và bà L là trầm trọng và không thể hàn gắn. Nguyên nhân do vợ chồng không hiểu nhau, có nhiều khác biệt về cách sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau làm cho gia đình không hạnh phúc, hiện nay ông và bà L không sống chung với nhau. Vì vậy, có cơ sở xác định tình cảm vợ chồng giữa ông S và bà L không còn, tình trạng hôn nhân mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung của hai người không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xét lời trình bày của bà Lê Thị L không đồng ý ly hôn với ông Lý Trường S vì nếu ly hôn sẽ ảnh hưởng đến con của bà là không có căn cứ nên không chấp nhận.

Quá trình giải quyết vụ án bà Lê Thị L không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh có liên quan đến vụ án. Do vậy, Tòa án tiến hành xét xử căn cứ theo các tài liệu chứng cứ mà phía nguyên đơn cung cấp và chứng cứ mà Tòa thu thập được theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự là có cơ sở.

Vì vậy, có cơ sở xác định tình cảm vợ chồng giữa ông S và bà L không còn, tình trạng hôn nhân mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung của hai người không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Có 01 (một) con chung tên Lý Thường K, sinh ngày 14/01/2008, tại bản tự khai ngày 07/11/2024 trẻ Kiệt có nguyện vọng được sống chung với mẹ nên Hội đồng xét xử quyết định giao con chung cho bà Lê Thị L trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Lý Trường S không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Ông S xác định tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Nghĩa vụ dân sự chung: Ông S xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Trường hợp bà Lê Thị L có tranh chấp về tài sản chung và nghĩa vụ dân sự chung thì sẽ giải quyết trong vụ án khác.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội cần buộc ông Lý Trường S phải nộp án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn là phù hợp.

Vì các lý do trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Lý Trường S.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Lý Trường S được ly hôn với bà Lê Thị L.

Giấy chứng nhận kết hôn số 27, quyền số 01/2008 ngày 14/4/2008 của Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho ông Lý Trường S và bà Lê Thị L không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Giao con chung tên Lý Thường K, sinh ngày 14/01/2008 cho bà Lê Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Ông S không cấp dưỡng nuôi con. Việc cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi, do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ án khác.

Ông S được quyền, nghĩa vụ thăm nom nuôi dưỡng con chung mà không ai được cản trở.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung: Nguyên đơn xác định tự thỏa thuận nên không xem xét.

4. Nghĩa vụ dân sự chung: Nguyên đơn xác định không có nên không xem xét.

Nếu bà Lê Thị L có tranh chấp về tài sản chung và nghĩa vụ dân sự chung thì sẽ giải quyết trong vụ án khác.

5. Án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn là 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) buộc ông Lý Trường S phải nộp nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0016266 ngày 10/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND huyện Củ Chi;
- Chi cục THADS huyện Củ Chi;
- UBND xã Đ;
- Các đương sự;
- Lưu: Vp, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Châu Thị Thanh Thà